

Số: /BC-UBND

Gia Lai, ngày

tháng 6 năm 2021

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình, kết quả công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2021**

Kính gửi: Bộ Nội vụ

## **I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**

### **1. Về xây dựng kế hoạch cải cách hành chính (CCHC)**

Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND tỉnh) ban hành Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 26/12/2020 về Kế hoạch CCHC năm 2021 của tỉnh Gia Lai, xác định 38 nhiệm vụ cụ thể. Đến hết ngày 15/6/2021, tỉnh đã hoàn thành 11/38 nhiệm vụ trong Kế hoạch CCHC<sup>(1)</sup> (đạt 28,94%), các nhiệm vụ còn lại chưa đến thời gian hoàn thành.

### **2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành CCHC**

Trong 6 tháng đầu năm 2021, UBND tỉnh ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo, điều hành triển khai kế hoạch CCHC năm 2021 của tỉnh<sup>(2)</sup>.

<sup>1</sup> (1) Ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2021; (2) Cập nhật, đăng tải văn bản QPPL trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật; (3) Ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC năm 2021; (4) Kết nối hệ thống báo cáo của UBND tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ; (5) Ứng dụng công nghệ thông tin vào việc tiếp nhận và xử lý hiệu quả nội dung, tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính và kết quả giải quyết TTHC tại các cấp chính quyền; (6) Triển khai đánh giá CCHC theo Bộ Chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện; (7) Ban hành kế hoạch kiểm tra công tác CCHC đối với các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện và xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra; (8) Duy trì, vận hành, hoàn thiện Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (NGSP); (9) Duy trì kết nối, liên thông phần mềm Quản lý văn bản và điều hành; (10) Duy trì kết nối, liên thông các hệ thống “Một cửa điện tử” các cấp; (11) Xây dựng các văn bản chỉ đạo, thực hiện công tác CCHC (Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của tỉnh; Kế hoạch triển khai công tác pháp chế và công tác văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Quyết định ban hành kế hoạch thanh tra, kiểm tra công tác nội vụ năm 2021; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức viên chức năm 2021 của tỉnh; Kế hoạch kiểm tra việc duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN ISO 9001 tại các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh...).

<sup>2</sup> Ban hành Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 26/12/2020 của UBND tỉnh về Kế hoạch CCHC năm 2021 của tỉnh Gia Lai; Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 26/12/2020 của UBND tỉnh về Kế hoạch tuyên truyền công tác CCHC năm 2021 của tỉnh Gia Lai; Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 của UBND tỉnh về Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2021; Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của UBND tỉnh về thành lập Đoàn kiểm tra công tác CCHC trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2021; Quyết định số 766/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh Gia Lai về Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2021; Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 của UBND tỉnh về kiện toàn Tổ công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 của UBND tỉnh về Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về phê duyệt khung kiến trúc chính quyền điện tử; Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của UBND tỉnh về phê duyệt Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2021; Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 11/3/2021 của UBND tỉnh về Kế hoạch kiểm tra tình hình áp dụng duy trì và cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 tại các cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2021; Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 30/3/2021 của UBND tỉnh về Ban hành Quy chế phối hợp quản lý việc triển khai Hệ thống Thông tin dịch vụ công 1022 tỉnh Gia Lai; Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 16/3/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt và công bố Chỉ số Cải cách hành chính năm 2020 của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố; văn bản số 305/UBND-NC ngày 13/3/2021 của UBND tỉnh Gia Lai chỉ đạo giao các sở, ban, ngành, UBND các huyện, xã, thành phố cập nhật và gửi số liệu báo cáo thông qua chức năng của Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ... và nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành khác.

Về thẩm định Chỉ số CCHC của tỉnh năm 2020<sup>(3)</sup>: Ngày 22/02/2021, UBND tỉnh ban hành Báo cáo số 25/BC-UBND về kết quả tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần xác định Chỉ số CCHC năm 2020 của tỉnh Gia Lai, đồng thời hoàn thành việc nhập dữ liệu kết quả và tài liệu kiểm chứng (lần 1, lần 2) vào phần mềm Quản lý chấm điểm xác định Chỉ số CCHC của Bộ Nội vụ. Ngày 21/5/2021, UBND tỉnh gửi Bộ Nội vụ tham luận của tỉnh phục vụ Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ tổ chức Hội nghị trực tuyến công bố Chỉ số CCHC các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương - PARINDEX 2020 và Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước - SIPAS 2020<sup>(4)</sup>.

Về thẩm định Chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố năm 2020<sup>(5)</sup>: Ngày 16/3/2021, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 158/QĐ-UBND về phê duyệt và công bố Chỉ số CCHC năm 2020 của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố<sup>(6)</sup>. Thời gian tới, tỉnh tổ chức Hội nghị trực tuyến đánh giá, rút kinh nghiệm chỉ số CCHC năm 2020 của tỉnh.

Hiện nay, Sở Nội vụ đã tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, địa phương và có Công văn số 858/SNV-CCHC ngày 08/6/2021 gửi các cơ quan được UBND tỉnh giao chủ trì công tác CCHC của tỉnh rà soát, sửa đổi, bổ sung các tiêu chí, tiêu chí thành phần, xây dựng dự thảo thay thế bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện công tác CCHC theo Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của UBND tỉnh đồng thời hướng dẫn chi tiết cách đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số CCHC đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần do đơn vị mình phụ trách<sup>(7)</sup>.

### 3. Về kiểm tra CCHC

Ngày 08/02/2021, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 104/QĐ-UBND về Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2021, Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của UBND tỉnh về thành lập Đoàn kiểm tra công tác CCHC trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2021. Từ ngày 24/3/2021 đến hết ngày 09/6/2021 đã hoàn thành kiểm tra (đợt 1) tại 07/14 đơn vị, địa phương<sup>(8)</sup> (đạt 50%). Sở Nội vụ đã ban hành Thông báo số 887/TB-ĐKT ngày

<sup>3</sup> Thực hiện Quyết định số 1149/QĐ-BNV ngày 30/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số CCHC của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”; Quyết định số 17/QĐ-BNV ngày 07/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Kế hoạch triển khai Đề án xác định Chỉ số CCHC năm 2020 của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Công văn số 383/BNV-CCHC ngày 28/01/2021 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số CCHC cấp tỉnh.

<sup>4</sup> Thời gian cụ thể Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ sẽ có thông báo sau.

<sup>5</sup> Theo Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy chế đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện công tác CCHC các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

<sup>6</sup> Tờ trình số 381/TTr-SNV ngày 11/3/2021.

<sup>7</sup> Thời hạn rà soát đến hết ngày 30/6/2021.

<sup>8</sup> 6 đơn vị cấp sở: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Lao động-Thương binh và Xã hội; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Tư pháp; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Xây dựng. 01 UBND cấp huyện: Thành phố Pleiku.

10/6/2021 về lịch kiểm tra công tác CCHC năm 2021 (đợt 2), thời gian kiểm tra từ ngày 30/6/2021 đến hết ngày 28/7/2021.

#### **4. Về công tác tuyên truyền CCHC**

Ngày 26/12/2020, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 752/QĐ-UBND về Kế hoạch tuyên truyền công tác CCHC năm 2021 của tỉnh Gia Lai. Đến hết ngày 14/6/2021, đã hoàn thành 05/10 nhiệm vụ<sup>(9)</sup> (đạt 50%). Sở Nội vụ đã phối hợp với Công đoàn viên chức tỉnh xây dựng kế hoạch tổ chức Hội thi “Tìm hiểu về công tác CCHC” năm 2021<sup>(10)</sup>, ngày 03/6/2021, Sở Nội vụ ban hành Kế hoạch số 831/KH-SNV về tập huấn công tác CCHC năm 2021 và Công văn số 891/SNV-CCHC ngày 11/6/2021 đề nghị các cơ quan, đơn vị đăng ký danh sách cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên tham gia tập huấn công tác CCHC năm 2021<sup>(11)</sup>.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC**

### **1. Cải cách thể chế**

#### *a) Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật (viết tắt là QPPL)*

UBND tỉnh ban hành 17 văn bản QPPL đảm bảo đúng trình tự, thủ tục ban hành văn bản QPPL theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật. Các văn bản này đã được đăng tải kịp thời, đầy đủ lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật tại địa chỉ: <http://vbpl.vn/gialai/Pages/home.aspx>.

#### *b) Rà soát văn bản QPPL*

- Các cơ quan, đơn vị thực hiện việc rà soát văn bản QPPL thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Báo cáo công tác kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản QPPL năm 2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai<sup>(12)</sup>.

- Tình hình xử lý văn bản được rà soát năm 2020:

+ Ngày 29/01/2021, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 64/QĐ-UBND công bố danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực năm 2020; Công văn số 139/UBND-NC triển khai thực hiện công tác rà soát, xử lý văn bản QPPL.

<sup>9</sup> (1) Cập nhật, công bố, công khai TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện, UBND cấp xã và trên hệ thống Công Dịch vụ công/Công thông tin điện tử/Trang thông tin điện tử; (2) Công khai các hình thức phân ánh, kiến nghị về quy định hành chính; (3) Xây dựng chuyên mục, chuyên trang và cập nhật thông tin về CCHC trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh; (4) Xây dựng Chuyên mục CCHC trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; (5) Tuyên truyền trên Hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh.

<sup>10</sup> Công văn số 539/SNV-CCHC ngày 07/4/2021, Công văn số 679/SNV-CCHC ngày 07/5/2021.

<sup>11</sup> Dự kiến thời gian tổ chức các nội dung trên vào tháng 8/2021.

<sup>12</sup> Báo cáo số 15/BC-STP ngày 01/02/2021 của Sở Tư pháp.

+ Các cơ quan, đơn vị đang tiến hành xây dựng văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các văn bản QPPL cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ theo Công văn số 139/UBND-NC. Đến thời điểm báo cáo, đã hoàn thành xử lý 01/17 văn bản; đang xử lý 12/17 văn bản và chưa xử lý 04/17 văn bản<sup>(13)</sup>.

*c) Kiểm tra, tự kiểm tra văn bản QPPL*

- Thực hiện tự kiểm tra 17 quyết định do UBND tỉnh ban hành; kiểm tra theo thẩm quyền 08 văn bản QPPL do UBND cấp huyện ban hành. Kết quả: Văn bản QPPL do UBND tỉnh, UBND cấp huyện ban hành đảm bảo đúng thẩm quyền về hình thức, thẩm quyền, nội dung; nội dung văn bản QPPL đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; không có sai sót về căn cứ ban hành, hiệu lực, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản; tuân thủ đúng trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản.

- Trong 6 tháng đầu năm 2021, tỉnh phát sinh 01 văn bản cần xử lý theo kết luận kiểm tra của Bộ Tư pháp, đến nay đã hoàn thành việc xử lý (đạt 100%). Cụ thể: Tại Kết luận kiểm tra số 40/KL-KTrVB ngày 23/3/2021 của Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp kiến nghị xử lý Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh ban hành đơn giá đền bù cây cối, hoa màu trên địa bàn tỉnh; tỉnh đã ban hành Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 quy định về bồi thường thiệt hại đối với cây trồng khi nhà nước thu hồi đất áp dụng năm 2021 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

*d) Tổ chức thực hiện và kiểm tra thực hiện các văn bản QPPL tại cơ quan, địa phương*

Ngày 22/01/2021, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 80/KH-UBND về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và quản lý về xử lý vi phạm hành chính năm 2021 trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 về kiểm tra liên ngành công tác theo dõi thi hành pháp luật và công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2021 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Trên cơ sở đó, Đoàn kiểm tra đã ban hành Kế hoạch số 02/KH-ĐKT ngày 29/3/2021 tổ chức thực hiện. Kết quả, đến ngày 27/5/2021, đã tiến hành kiểm tra tại 03/7 đơn vị<sup>(14)</sup> (đạt 42,85%).

**2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)**

*a) Về tham gia ý kiến đối với văn bản QPPL có quy định về TTHC, thẩm định quy định TTHC tại dự án, dự thảo VBQPPL:* Không phát sinh trong kỳ báo cáo.

*b) Về rà soát, đánh giá và thực hiện các quy định về đơn giản hóa TTHC*

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2021 với tổng số 13

<sup>13</sup> Các đơn vị đang tham mưu trình.

<sup>14</sup> Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh.

TTHC được tiến hành rà soát trọng tâm. Hiện nay các đơn vị, địa phương đang tiến hành rà soát, đánh giá TTHC theo quy định.

*c) Về công bố, công khai, nhập dữ liệu TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC*

Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/6/2021, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 40 quyết định công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, tiếp nhận trên địa bàn tỉnh (*Công bố mới 82 TTHC, công bố sửa đổi, bổ sung 53 TTHC, công bố bãi bỏ 96 TTHC*). Các quyết định công bố sau khi phát hành được Văn phòng UBND tỉnh gửi đến Cục Kiểm soát TTHC - Văn phòng Chính phủ và các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết TTHC đồng thời được niêm yết, công khai theo đúng quy định.

*d) Về tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC*

Từ ngày 15/12/2020 đến 14/6/2021, Văn phòng UBND tỉnh nhận được 18 phản ánh, kiến nghị trong đó 07 phản ánh, kiến nghị không thuộc thẩm quyền của tỉnh nên tỉnh đã từ chối tiếp nhận và 11 phản ánh, kiến nghị trong các lĩnh vực như đất đai, đăng ký kinh doanh, thuế, căn cước công dân, đến nay các phản ánh, kiến nghị đã được xử lý xong.

*đ) Về công tác kiểm tra thực hiện kiểm soát TTHC*

Được lồng ghép với công tác kiểm tra CCHC của tỉnh, đến nay đã kiểm tra được 07/14 đơn vị theo kế hoạch (đạt 50%).

*e) Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC*

Hiện nay, có 17/17 sở, ban, ngành tỉnh<sup>(15)</sup> (đạt 100%); 17/17 UBND cấp huyện, thị xã, thành phố (đạt 100%) và 220/220 UBND cấp xã, phường, thị trấn (đạt 100%) đã triển khai mô hình “Một cửa điện tử liên thông”.

Ngày 28/12/2020, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 766/QĐ-UBND về Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2021. Ngày 22/01/2021, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Báo cáo số 11/BC-UBND về kết quả đánh giá việc giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh năm 2020 (Theo đó có 25/35 đơn vị, địa phương được đánh giá xếp loại Xuất sắc (đạt 71,43%), 10/35 đơn vị, địa phương còn lại được đánh giá xếp loại Tốt (đạt 28,57%)). Năm 2021, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện tiếp tục thực hiện đánh giá kết quả giải quyết TTHC tại đơn vị từ đó xác định, phát hiện tồn tại, hạn chế để có giải pháp khắc phục.

Tiếp tục thực hiện Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 21/02/2020 của UBND tỉnh ban hành Đề án thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ dịch vụ hành chính công trên địa bàn tỉnh để Bưu điện thực hiện: Đến hết ngày 15/6/2021, đã thí điểm theo đề án và nhân rộng việc thí điểm đối với các địa phương ngoài đề án cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, 16/17 UBND cấp huyện<sup>(16)</sup>,

<sup>15</sup> Riêng Sở Ngoại vụ, Thanh tra tỉnh và Ban Dân tộc không triển khai do không có TTHC hoặc có TTHC ít

<sup>16</sup> Huyện Chư Sê; huyện Mang Yang; huyện Ia Grai; thành phố Pleiku; huyện Chư Păh; huyện Phú Thiện; huyện Chư Puh; huyện Chư Prông; huyện Krông Pa; huyện Đak Pơ; thị xã An Khê, huyện Đăk Đoa, huyện Đức Cơ, huyện Ia Pa;

14/220 UBND cấp xã<sup>(17)</sup>. Việc xử lý TTHC của các đơn vị, địa phương đã được công khai tại địa chỉ: <http://motcua.gialai.gov.vn> và đã được kết nối, cung cấp thông tin theo thời gian thực với Cổng thông tin điện tử Chính phủ.

Hiện nay, một số ngành dọc như Công an tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh... đã triển khai tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã đối với các TTHC quy định theo Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ; Công an tỉnh cùng với Công an các huyện, thị xã, thành phố tăng cường cử lực lượng giải quyết thủ tục căn cước công dân lưu động tại địa bàn cơ sở tất cả các ngày trong tuần từ 07 giờ - 22 giờ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và thực hiện nghiêm chỉ đạo của Bộ Công an.

Trong tình hình dịch Covid -19 diễn biến phức tạp hiện nay, tỉnh đã tăng cường đẩy mạnh công tác tuyên truyền, khuyến khích các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4, dịch vụ bưu chính công ích trong tiếp nhận và giải quyết TTHC nhằm hạn chế tập trung đông người và thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

Bên cạnh đó, ngày 30/3/2021 tỉnh đã ban hành Quyết định số 192/QĐ-UBND về quy chế phối hợp quản lý việc triển khai Hệ thống thông tin dịch vụ công 1022; từ ngày 17/5/2021, Hệ thống thông tin dịch vụ công 1022 tỉnh Gia Lai chính thức đi vào hoạt động, đây là hệ thống hoạt động 24 giờ/ngày và 7 ngày/tuần để tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân đối với một số lĩnh vực trên địa bàn tỉnh bằng nhiều phương thức khác nhau như: Điện thoại, tin nhắn, thư điện tử, các ứng dụng trên Internet (Web, zalo, facebook...). Kể từ khi đi vào hoạt động tới nay tỉnh đã tiếp nhận 246 phản ánh, kiến nghị trong đó đã xử lý 234 phản ánh, đang xử lý 07 phản ánh, chờ xử lý 05 phản ánh.

Thực hiện Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ, ngày 29/4/2021 tỉnh ban hành Quyết định số 258/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch triển khai Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai, qua đó xác định nhiệm vụ cụ thể, thời gian tiến hành thực hiện nhiệm vụ từng năm theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ. Hiện nay, tỉnh đang thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và đăng ký doanh nghiệp với Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh.

Về hướng dẫn tích hợp, cung cấp thanh toán trực tuyến thủ tục đất đai và tạo lập tài khoản công dân:

---

huyện Kông Chro; thị xã Ayun Pa (Huyện Kbang đang cử nhân viên Bưu điện sang một cửa học việc; dự kiến tháng 9/2021 sau khi hoàn thiện trụ sở sẽ chuyển qua Bưu điện thực hiện).

<sup>17</sup> (1) Thị trấn Phú Hòa (huyện Chư Păh); (2) thị trấn Chư Prông (huyện Chư Prông); (3) thị trấn Đak Pơ (huyện Đak Pơ); (4) thị trấn Phú Thiện (huyện Phú Thiện); (5) xã Ia Tô (huyện Ia Grai); (6) thị trấn Chư Ty (huyện Đức Cơ); (7) xã Đăk Yă (huyện Mang Yang); (8) xã Ia Hrú (huyện Chư Puh); (9) xã Ia Rsum và (10) thị trấn Phú Túc (huyện Krông Pa); (11) xã Ia Blang (Chư Sê); (12) xã Ia Mron (huyện Ia Pa); (13) phường Đoàn kết và phường Cheo Reo (TX. Ayun Pa).

Tỉnh đã xây dựng phần kết nối liên thông từ hệ thống Một cửa điện tử của Văn phòng đăng ký đất đai với Cổng dịch vụ công quốc gia và Cổng dịch vụ công tỉnh Gia Lai; đồng bộ các thủ tục đăng ký, nhận hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4 thuộc lĩnh vực đất đai về hệ thống Một cửa điện tử của Văn phòng đăng ký đất đai.

Cán bộ chuyên môn thuộc Văn phòng đăng ký đất đai căn cứ theo tài liệu hướng dẫn về tạo tài khoản trên Cổng dịch vụ công quốc gia, đã thực hiện tạo được hồ sơ trực tuyến và tiếp nhận thành công trên hệ thống Một cửa điện tử bản thử nghiệm và xử lý chuyên thông tin dữ liệu qua Hệ thống quản lý nhà, đất trước bạ của Cục thuế tỉnh tại Chi cục thuế địa bàn huyện Phú Thiện.

Cán bộ phụ trách Cục thuế tỉnh Gia Lai đã hướng dẫn cho Chi cục thuế huyện Phú Thiện thực hiện xử lý và ra được kết quả thông báo thuế, gửi trực tiếp lên Cổng dịch vụ công quốc gia để công dân có thể lên hệ thống đó tra cứu biết được số tiền cần nộp và đã thực hiện thanh toán từ tài khoản cá nhân đến Kho bạc Nhà nước.

Thực hiện Quyết định số 406/QĐ-TTg ngày 22/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia năm 2021, hiện nay tỉnh đang triển khai thực hiện, tuy nhiên đối với nhiệm vụ sớm tích hợp, cung cấp thủ tục Đăng ký tuyển sinh đầu cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông) lên mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia còn nhiều vướng mắc, bất cập do Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa ban hành Quyết định công bố TTHC và mã thủ tục trên phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC dẫn đến tình khó tích hợp thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trước những vướng mắc, bất cập trên, tỉnh đã ban hành văn bản số 2488/VP-NC ngày 14/6/2021 gửi Văn phòng Chính phủ những vướng mắc trong việc triển khai, đồng thời Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Gia Lai cũng ban hành văn bản số 1190/SGDDĐT-VP ngày 10/6/2021 gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo để được hướng dẫn thực hiện.

*g) Thực hiện đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước:*

Thực hiện Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21/10/2020 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, UBND tỉnh ban hành Công văn số 2500/UBND-NC ngày 22/12/2020 chỉ đạo các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện, thị xã, thành phố rà soát, cập nhật lại các mẫu đề cương, biểu mẫu số liệu báo cáo; chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết, sẵn sàng thực hiện chế độ báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ.

Để thực hiện chế độ báo cáo định kỳ của Văn phòng Chính phủ trên hệ thống tại địa chỉ <https://baocaochinhphu.gov.vn>, tỉnh đã cung cấp 960 tài khoản của các đơn vị từ cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, hướng dẫn các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh cập nhật và gửi số liệu báo cáo thông qua chức năng của Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ trên phần mềm hệ thống. Đồng thời, tỉnh đã ban hành Quyết định số

330/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 về quy chế sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ trên địa bàn tỉnh.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**

a) *Sắp xếp, kiện toàn các phòng, ban, chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh và các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ: UBND tỉnh ban hành Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 11/5/2021 về sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy hành chính và số lượng cấp phó tại 19 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh quản lý và Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 về sắp xếp lại bộ máy bên trong các chi cục, ban trực thuộc 05 sở, ngành (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và công nghệ, Sở Y tế). Hiện nay các cơ quan, đơn vị đang triển khai thực hiện các nội dung tại 02 Quyết định nêu trên và các văn bản có liên quan.*

b) *Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế công chức, viên chức theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018; Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ:*

UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nội vụ tổng hợp, hoàn chỉnh và báo cáo UBND tỉnh xem xét, phê duyệt báo cáo số lượng công chức và kế hoạch biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính năm 2020 (Công văn số 2523/VP-NC ngày 15/6/2021 của Văn phòng UBND tỉnh); quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí giải quyết chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP đợt 6 tháng đầu năm và cuối năm 2021 và giao Sở Nội vụ thông báo kết quả thẩm định đến đối tượng hưởng chính sách tinh giản biên chế. Số liệu về biên chế công chức, số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại các đơn vị sự nghiệp công lập được nêu trong phụ lục kèm theo.

c) *Chuyển một số đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh sang tự chủ chi thường xuyên; sáp nhập một số quỹ tài chính ngoài ngân sách của tỉnh và sáp nhập một số hội có nhiệm vụ tương đồng của tỉnh theo Nghị quyết 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương và Chương trình 64-CTr/TU ngày 05/6/2018 của Tỉnh ủy: UBND tỉnh giao Sở Nội vụ hướng dẫn các cơ quan đơn vị thực hiện Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ về sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, huyện (Công văn số 1994/SNV-TCBC ngày 03/12/2020) và ban hành Báo cáo số 67/BC-UBND ngày 05/6/2021 của UBND tỉnh về tổng kết 03 năm thực hiện Chương trình hành động số 64-CTr/TU về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của BCH TW Đảng Khóa XII và kết quả thực hiện Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.*

### **4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức viên chức (CBCCVC)**

a) *Công tác quản lý đội ngũ CBCCVC của tỉnh:*



Công tác quản lý đội ngũ CBCCVC ở tỉnh tiếp tục được các cơ quan, địa phương thực hiện theo quy định. UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện theo phân cấp công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại CBCC lãnh đạo, quản lý và giải quyết chế độ, chính sách đối với CBCCVC đảm bảo kịp thời, đúng pháp luật cụ thể: Cho chủ trương thực hiện quy trình, thủ tục bổ nhiệm 03CCVC (có 02 người quản lý doanh nghiệp), bổ nhiệm lại 02 người quản lý doanh nghiệp; điều động, bổ nhiệm 05CC (có 03 người quản lý doanh nghiệp); bổ nhiệm 01VC quản lý; cho chủ trương bổ nhiệm 01CC; quyết định tiếp nhận 02CBCC; chuyển ngạch lương cho 01CC, nâng lương 04CC, hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung, thâm niên nghề 08CC lãnh đạo, quản lý; bổ nhiệm ngạch chuyên viên chính cho 159CCVC; thông kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng CBCCVC năm 2020 thuộc thẩm quyền quản lý.

Triển khai Kế hoạch số 1363/KH-UBND ngày 01/7/2020 của UBND tỉnh về tuyển dụng công chức ở các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện năm 2020, ngày 07/4/2021, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 324/QĐ-UBND về phê duyệt danh sách 138 thí sinh trúng tuyển, kỳ thi tuyển công chức năm 2020 của tỉnh Gia Lai. Hiện nay, các cơ quan tuyển dụng đã ban hành quyết định tuyển dụng cho các thí sinh trúng tuyển theo quy định.

Theo phân cấp, các cơ quan, địa phương tiếp tục triển khai có hiệu quả, đúng quy định Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh ban hành quy định quản lý công tác nội vụ thuộc tỉnh Gia Lai. Sở Nội vụ đã có văn bản thỏa thuận tiếp nhận vào biên chế HCSN: 09 CCVC; điều động giữa các đơn vị, địa phương: 24 CCVC; chuyển công tác ra khỏi biên chế HCSN: 40 CCVC; quyết định chuyển ngạch, thay đổi chức danh nghề nghiệp cho 18 CCVC. Ban hành quyết định phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức giáo viên huyện Đức Cơ và huyện Chư Păh; kế hoạch tuyển dụng viên chức của Sở Y tế.

Tổng hợp, báo cáo Bộ Nội vụ số liệu nữ lãnh đạo, quản lý cuối nhiệm kỳ 2016-2021; kết quả xử lý kỷ luật sau thanh tra, kiểm toán theo Chỉ thị số 33/2008/CT-TTg ngày 20/11/2008 của Thủ tướng Chính phủ. Văn bản gửi các cơ quan, địa phương liên quan yêu cầu một số nội dung về công tác cán bộ và chính sách cán bộ; về việc bổ sung hồ sơ CBCC quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý; việc bổ nhiệm lại viên chức quản lý; việc tiếp nhận vào viên chức;...

*b) Thanh tra, kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện:* Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được UBND tỉnh giao, Sở Nội vụ ban hành Quyết định số 2009/QĐ-SNV ngày 07/12/2020 về Kế hoạch thanh tra, kiểm tra công tác nội vụ năm 2021. Ngày 02/6/2021, Sở Nội vụ ban hành Quyết định số 59/QĐ-SNV về điều chỉnh kế hoạch thanh tra, kiểm tra công tác nội vụ, theo đó giảm 01 đơn vị là Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn nhằm tránh chồng chéo, trùng lặp về phạm vi,

đối tượng thanh tra. Đến hết ngày 02/6/2021 đã kiểm tra được 05/13 cơ quan, địa phương<sup>(18)</sup> (đạt 38,46%).

*c) Về công tác đào tạo, bồi dưỡng:* UBND tỉnh ban hành Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 phê duyệt Kế hoạch và dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC năm 2021. Theo đó, tỉnh dự kiến mở 52 lớp đào tạo, bồi dưỡng cho 4.156 CBCCVC của tỉnh. Đến ngày 01/6/2021, tỉnh đã tổ chức được 04/52 lớp (đạt 7,69%) cho 480/4.156 học viên. Các lớp còn lại tiếp tục triển khai trong thời gian đến.

## **5. Cải cách tài chính công**

### *a) Triển khai các chính sách tiền lương, tiền công và an sinh xã hội*

Tỉnh tiếp tục thực hiện chính sách tiền lương, các chế độ chính sách lương và an sinh xã hội (Kinh phí cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề, tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội, các chính sách về bảo trợ xã hội, người cao tuổi, người khuyết tật, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số...) theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ, Thông tư số 04/2019/TT-BNV ngày 24/5/2018 của Bộ Nội vụ và Quyết định số 700/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của UBND tỉnh.

*b) Thực hiện đổi mới cơ chế, chính sách tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước của tỉnh*

Về sắp xếp đổi mới các Công ty nông, lâm nghiệp: Các Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp đã được sắp xếp lại theo Công văn số 1831/TTg-ĐMDN ngày 15/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Các Công ty đã và đang triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh theo phương án đã được UBND tỉnh phê duyệt, đồng thời thực hiện việc rà soát để sửa đổi điều lệ theo đúng với tình hình thực tế và các quy định của pháp luật hiện hành.

Tiến độ thực hiện cổ phần hóa: Hiện nay tỉnh không có doanh nghiệp nào thuộc danh mục doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa đến hết năm 2020; không có doanh nghiệp nào dự kiến cổ phần hóa trong thời gian đến (theo Quyết định số 26/2019/QĐ-TTg ngày 15/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ).

*c) Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập*

- Về triển khai thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với cơ quan nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ; Thông tư Liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ:

<sup>18</sup> Đã kiểm tra được 02 đơn vị cấp sở: Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Kế hoạch và Đầu tư và 03 địa phương: Huyện Ia Pa; huyện Chư Puh; huyện Phú Thiện. Còn 01 đơn vị cấp sở: Sở Y tế. 7 địa phương cấp huyện: Thị xã Ayun Pa; huyện Kbang; huyện Đak Pơ; huyện Đak Đoa; huyện Đức Cơ; huyện Chư Prông; huyện Chư Păh sẽ kiểm tra trong thời gian đến.

+ Đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh: Số đơn vị thực hiện tự chủ và đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công là 40/40 đơn vị (đạt 100%).

+ Đối với đơn vị quản lý hành chính cấp huyện: Số đơn vị đã triển khai cơ chế tự chủ và đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công là: 321/321 đơn vị (đạt 100%).

- Về thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 141/2015/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ

UBND tỉnh giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2021-2023 cho Ban Quản lý các dự án Đầu tư xây dựng tỉnh<sup>(19)</sup>.

- Về thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ

+ Đối với đơn vị quản lý hành chính cấp tỉnh: UBND tỉnh đang trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết quy định mức chi xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

+ Đối với đơn vị quản lý hành chính cấp huyện: Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện là: 773 đơn vị, trong đó:

Số đơn vị thực hiện theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP: 717/773 đơn vị<sup>(20)</sup> (đạt 92,75%).

Số đơn vị thực hiện theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ: 56 đơn vị<sup>(21)</sup>.

Số đơn vị phải thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP: 773 đơn vị, trong đó: Đơn vị đã thực hiện chế độ tự chủ 772/773 đơn vị (đạt 99,87 %), đơn vị đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công là: 772/773 đơn vị (đạt 99,87 %). Hiện nay, còn 01 đơn vị thuộc UBND huyện Kbang chưa thực hiện chế độ tự chủ, chưa ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và quy quy quản lý tài sản công.

- Thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ: Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ và Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng giai đoạn 2019-2021 tiếp tục triển khai thực hiện quyết định UBND tỉnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính (*Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 20/5/2019*).

## 6. Hiện đại hóa hành chính

<sup>19</sup> Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 23/02/2021 của UBND tỉnh.

<sup>20</sup> Gồm: Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên 02 đơn vị, Đơn vị tự bảo đảm một phần chi hoạt động thường xuyên 75 đơn vị, Đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên 640 đơn vị.

<sup>21</sup> Gồm: Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên 27 đơn vị, đơn vị tự bảo đảm một phần chi hoạt động thường xuyên 07 đơn vị, đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên 22 đơn vị.

*a) Việc xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động các cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền điện tử của tỉnh*

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 797/QĐ-UBND, Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động các cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Gia Lai năm 2021, giai đoạn 2021-2025.

*b) Hạ tầng kỹ thuật CNTT và tình hình triển khai ứng dụng CNTT tại các cơ quan nhà nước*

- Hạ tầng kỹ thuật CNTT: Tính chung, tỷ lệ máy tính/CBCC đạt trên 95%. Tất cả các đơn vị đều đã xây dựng mạng nội bộ (LAN) và các máy tính tại các phòng/ban chuyên môn thuộc các đơn vị đều được kết nối Internet (trừ các máy tính được sử dụng để soạn thảo các văn bản theo chế độ mật). Hệ thống mạng diện rộng của tỉnh (WAN) đã được triển khai kết nối các hệ thống thông tin dùng chung giữa các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh và hoạt động ổn định.

- Công tác đảm bảo an toàn thông tin: Hầu hết các đơn vị địa phương đã phê duyệt hồ sơ cấp độ an toàn thông tin đối với các hệ thống thuộc phạm vi quản lý. Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh cũng đang được triển khai thử nghiệm giải pháp giám sát an toàn thông tin (hệ thống SOC) và được kết nối về Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (thuộc Cục An toàn thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông) để được theo dõi, cảnh báo an toàn thông tin cho các hệ thống Chính quyền điện tử của tỉnh Gia Lai. Công tác ứng phó sự cố an toàn thông tin cũng được triển khai nghiêm túc.

- Tình hình triển khai ứng dụng CNTT trong nội bộ các cơ quan để phục vụ CCHC:

+ Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (Văn phòng điện tử): 100% sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã và một số cơ quan nhà nước khác đã sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành phục vụ công việc. Trong 6 tháng đầu năm 2021, trên địa bàn tỉnh đã thực hiện gửi, nhận hơn 767.618 lượt văn bản điện tử (ước tính tiết kiệm hơn 5,2 tỷ đồng), trong đó có 97% văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).

+ Mô hình “Một cửa điện tử liên thông” (Một cửa hiện đại): Có 20/20 sở, ban, ngành tỉnh, 17/17 UBND cấp huyện và 220/220 xã đã triển khai mô hình “Một cửa điện tử liên thông”. Đến ngày 31/5/2021<sup>(22)</sup>, hệ thống đã tiếp nhận 219.665 hồ sơ, tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn đạt 98,89% trên tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trên hệ thống. Với nhiều giải pháp quyết liệt; các đơn vị, địa phương đã giảm sâu về tỷ lệ hồ sơ trễ hạn qua từng tháng; nhiều đơn vị, địa phương không có hồ sơ trễ hạn (tỷ lệ trễ hạn 0%). Việc xử lý TTHC được công khai trên Cổng dịch vụ công của tỉnh và kết nối, cung cấp thông tin với Cổng thông tin

<sup>22</sup> Báo cáo số 165/BC-STTTT ngày 31/5/2021 của Sở Thông tin và Truyền thông về tình hình ứng dụng CNTT trong hoạt động các cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền điện tử, chính quyền số trong 6 tháng đầu năm 2021.

điện tử Chính phủ, Cổng Dịch vụ công quốc gia đồng thời đang được tích hợp với các hệ thống của trung ương. Tỉnh đã hoàn thành việc kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của quốc gia (NGSP).

+ Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh (có địa chỉ truy cập <https://mail.gialai.gov.vn>): Hơn 10.000 CBCCVC đã được tạo lập và cấp hộp thư điện tử. Tỷ lệ CBCC thường xuyên sử dụng thư điện tử cho công việc đạt khoảng hơn 70%.

+ Hệ thống Hội nghị truyền hình (viết tắt là HNTH) qua mạng của tỉnh: Đến ngày 31/5/2021 có hơn 36 cuộc họp cấp tỉnh được tổ chức theo hình thức trực tuyến qua hệ thống này. UBND cấp huyện đã triển khai HNTH từ cấp huyện đến 183/220 xã (đạt tỷ lệ 83,18%)<sup>(23)</sup>. Đồng thời, Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông (đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông) đã nghiên cứu, phát triển (không sử dụng ngân sách nhà nước) hệ thống hội nghị trực tuyến sử dụng giải pháp mã nguồn mở “Gia Lai eMeeting” phục vụ nhu cầu tổ chức họp trực tuyến của các đơn vị, địa phương.

+ Ứng dụng Chữ ký số, chứng thư số: Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp Ban Cơ yếu Chính phủ cấp hơn 3.525 chứng thư số cá nhân của các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh. Trong năm 2021, Sở Thông tin và Truyền thông sẽ tiếp tục phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ triển khai ký số trên thiết bị di động thông minh cho các đơn vị, địa phương.

+ Hệ thống Cổng/Trang thông tin điện tử (WebSite): Có 100% sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện (có tích hợp trang thành phần các đơn vị cấp xã trực thuộc) có Cổng/Trang thông tin điện tử cung cấp tương đối đầy đủ thông tin theo quy định.

+ Triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT): Hiện tại, Cổng dịch vụ công của tỉnh đã được nâng cấp và kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia tích hợp chức năng đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với việc cung cấp dịch vụ công của các cơ quan nhà nước, đăng tải bộ 500 câu hỏi/trả lời về các vấn đề liên quan đến thực hiện TTHC. Toàn tỉnh có 1.964 TTHC, tất cả đều được cung cấp ở mức độ 2, trong đó có 191 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 349 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được tích hợp tại Cổng Dịch vụ công của tỉnh, 214 dịch vụ công trực tuyến tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và kết nối với hệ thống một cửa điện tử các đơn vị. Tới thời điểm 31/5/2021, số hồ sơ được tiếp nhận và giải quyết qua dịch vụ công trực tuyến mức 3 và 4 là 5.446 hồ sơ; tỷ lệ hồ sơ được giải quyết qua DVCTT mức 3 và 4/tổng số hồ sơ của DVCTT mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến (cả trực tuyến và truyền thông theo cách tính của Bộ Nội vụ) là: 65,94%. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 14/05/2021 về danh mục TTHC ưu tiên thực hiện trên môi trường điện tử trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm

<sup>23</sup> Gồm: Pleiku (22/22), Ia Pa (9/9), Đak Pơ (8/8), An Khê (11/11), Chư Sê (15/15), Ayun Pa (4/8), Kbang (14/14), Chư Păh (12/14), Đúc Cơ (6/10), Chư Puh (4/9), Chư Prông (16/20), Krông Pa (14/14), Kông Chro (7/14), Phú Thiện (10/10), Mang Yang (9/12); Ia Grai (5/13); Đak Đoa (17/17).

2021, theo đó, hết năm 2021 sẽ xây dựng 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đủ điều kiện.

+ Triển khai phần mềm đánh giá sự hài lòng của tổ chức, công dân đối với CBCC và các cơ quan hành chính: Phần mềm được tích hợp vào Cổng dịch vụ công của tỉnh. Sở Thông tin và Truyền thông đã hướng dẫn các đơn vị, địa phương tích hợp lên Cổng/Trang thông tin điện tử, đầu tư thiết bị tại bộ phận một cửa để phục vụ công dân, doanh nghiệp thực hiện đánh giá. Ngoài ra, cũng đã phối hợp với các cơ quan báo chí tuyên truyền, hướng dẫn công dân, tổ chức sử dụng.

+ Triển khai phần mềm “Quản lý giao việc” của UBND tỉnh: Được tích hợp vào hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành. Trang thông tin điện tử tổng kê tình hình xử lý công việc do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao, được công khai tại địa chỉ: <http://congkhai.gialai.gov.vn> và <http://qlygiaoviec.gialai.gov.vn>.

+ Phối hợp với Công ty VNG sử dụng ứng dụng zalo để tăng cường ứng dụng CNTT phục vụ CCHC: Tính tới nay hệ thống có hơn 50.334 người “quan tâm”. Trong thời gian thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19 vừa qua, chuyên mục “Chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai” đã thường xuyên cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin về tình hình dịch bệnh góp phần hiệu quả vào công tác phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn tỉnh.

+ Triển khai các ứng dụng CNTT khác: Sở Thông tin và Truyền thông đang phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Đề án “Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030” được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định 77/QĐ-UBND ngày 08/02/2021; đưa Cổng thông tin kinh phí hỗ trợ người dân tỉnh Gia Lai bị ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 vào hoạt động tại địa chỉ <http://nq42cp.gialai.gov.vn>. Hệ thống thông tin tài chính các đơn vị hành chính sự nghiệp (Sở Tài chính); Cơ sở dữ liệu giá (Sở Tài chính); hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu công tác dân tộc (Ban Dân tộc)... được các đơn vị triển khai, đưa vào sử dụng, góp phần tích vào công tác CCHC.

+ Tình hình thực hiện Giao dịch điện tử (GDĐT) trong lĩnh vực Bảo hiểm xã hội: Việc cấp phát thẻ Bảo hiểm Y tế (BHYT) cho trẻ em dưới 6 tuổi trên địa bàn tỉnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh hầu hết được thực hiện bằng hình thức GDĐT. Triển khai cho các đơn vị sử dụng lao động thực hiện gửi hồ sơ giao dịch điện tử (gồm hồ sơ ốm đau, thai sản, chế độ hưu trí, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp...) trên hệ thống giao dịch điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam. Triển khai sử dụng ứng dụng bảo hiểm xã hội số trên thiết bị di động (VSSID) để tạo thuận lợi cho người tham gia BHXH trong nắm bắt thông tin và sử dụng thẻ BHYT điện tử (từ ứng dụng VSSID) thay cho thẻ giấy; đến cuối tháng 5/2021, tỉnh có trên 33.200 người đăng ký cài đặt sử dụng ứng dụng VssID-bảo hiểm xã hội số, trong đó có 27.199 hồ sơ hợp lệ được phê duyệt.

+ Tình hình triển khai Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh: Tỉnh đã kết nối chế độ báo cáo của UBND tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ. Văn

phòng UBND tỉnh đã phối hợp với các đơn vị, địa phương triển khai Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ trên địa bàn tỉnh, cấp phát 960 tài khoản cho các đơn vị, địa phương (từ cấp tỉnh đến cấp xã) để sử dụng hệ thống; UBND tỉnh cũng ban hành Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 về quy chế sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

**\* Triển khai áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính**

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 11/3/2021 về Kế hoạch kiểm tra tình hình áp dụng duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 tại các cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2021.

Kết quả hoạt động áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL: Hiện nay có 276 đơn vị đang tiếp tục duy trì và cải tiến HTQLCL đã xây dựng và áp dụng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 và Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015<sup>(24)</sup>. Có 47/57 cơ quan, đơn vị, địa phương<sup>(25)</sup> đã chuyển đổi HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 sang Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 (đạt 82,45%). Trong tháng 6 đầu năm 2021, tỉnh đã tổ chức áp dụng HTQLCL điện tử (ISO điện tử) theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại Sở Khoa học và Công nghệ và Sở Thông tin và Truyền thông; trong thời gian đến, Sở Khoa học và công nghệ sẽ báo cáo rút kinh nghiệm việc áp dụng HTQLCL điện tử (ISO điện tử) theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và đề xuất UBND tỉnh cho các năm tiếp theo.

**III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC 6 THÁNG CUỐI NĂM 2021**

1. Ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2030 (*Dự kiến trong quý III/2021*). Ban hành các kế hoạch CCHC, kế hoạch tuyên truyền CCHC năm 2022 của tỉnh. Tiếp tục chỉ đạo triển khai hoàn thành các nhiệm vụ còn lại trong kế hoạch CCHC, kế hoạch tuyên truyền CCHC năm 2021. Tiếp tục kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất các lĩnh vực CCHC.

2. Ban hành quy chế đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện công tác CCHC các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai thay thế Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của UBND tỉnh.

3. Tổ chức hội nghị trực tuyến, đánh giá, rút kinh nghiệm chỉ số CCHC năm 2020 của tỉnh. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương khắc phục các tồn tại, hạn chế qua kết quả thẩm định chỉ số CCHC năm 2020.

<sup>24</sup> Bao gồm: 20 đơn vị cấp Sở, ngành; 08 đơn vị thuộc các cơ quan Trung ương (*Cục Quản lý thị trường tỉnh Gia Lai, Cục Hải quan Gia Lai - Kon Tum, Cục Thuế tỉnh Gia Lai, Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai, Cục Thống kê tỉnh Gia Lai, Công an tỉnh, Ngân hàng nhà nước - Chi nhánh tỉnh Gia Lai, Kho bạc nhà nước tỉnh Gia Lai*); 17 UBND cấp huyện; 11 đơn vị Chi cục và tương đương (*Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chi cục Dân số - Kế hoạch hoá gia đình, Chi cục Kiểm lâm, Chi cục Phát triển nông thôn, Chi cục Thủy lợi, Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Chi cục Bảo vệ môi trường và Ban Tôn giáo*); 220 UBND cấp xã.

<sup>25</sup> 18 đơn vị cấp sở; 11 đơn vị trực thuộc các sở; 16 địa phương cấp huyện và 02 cơ quan, đơn vị thuộc các cơ quan Trung ương.

4. Tiếp tục thực hiện rà soát văn bản QPPL, kịp thời phát hiện, xử lý những văn bản có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, không phù hợp với quy định của cơ quan nhà nước cấp trên và tình hình thực tiễn địa phương nhằm xây dựng một hệ thống pháp luật hoàn thiện, thống nhất, đồng bộ. Đăng tải kịp thời, đầy đủ các văn bản QPPL do HĐND và UBND tỉnh ban hành lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật và Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

5. Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện công khai TTHC tại trụ sở nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC; tích hợp dữ liệu TTHC để công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định. Tổ chức thực hiện việc rà soát, đánh giá TTHC; kiến nghị, đề xuất cấp có thẩm quyền các giải pháp, sáng kiến đơn giản hóa TTHC. Tổ chức tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính. Thực hiện Hệ thống thông tin báo cáo theo Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21/10/2020 của Văn phòng Chính phủ.

6. Tiếp tục theo dõi việc rà soát, sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế theo hướng tinh gọn, đồng bộ, hiệu quả ở các cơ quan nhà nước theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ về quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ về quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

7. Thực hiện đúng các quy định của Đảng và Nhà nước về chế độ chính sách, đảm bảo quyền lợi chính đáng cho CBCCC. Tiếp tục triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCCVC trên cơ sở vị trí, chức danh, yêu cầu nhiệm vụ và quy hoạch theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2021 của UBND tỉnh. Tăng cường kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, thời giờ làm việc, văn hóa công sở đối với đội ngũ CBCCCVC trong thi hành công vụ.

8. Trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết quy định mức chi chế độ dinh dưỡng đặc thù cho các đối tượng huấn luyện viên, vận động viên thể thao khác đang tập trung tập huấn, thi đấu.

9. Tiếp tục triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai phiên bản 2.0 tiến tới xây dựng Chính quyền số trong những giai đoạn tiếp theo và triển khai kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021, định hướng đến năm 2030. Triển khai các nhiệm vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, ứng dụng CNTT trong hoạt động các cơ quan hành chính nhà nước theo kế hoạch năm 2021 đồng thời triển khai các nhiệm vụ theo kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030” trong năm 2021.

10. Tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch xây dựng, chuyển đổi HTQLCL



theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 sang Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước của tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2019-2021<sup>(26)</sup>. Tổ chức kiểm tra, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001<sup>(27)</sup> đảm bảo có hiệu lực, hiệu quả.

11. Tổ chức tập huấn về CNTT, kiểm soát TTHC, CCHC, HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho CBCC các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND cấp xã, phường, thị trấn.

12. Tiếp tục nhân rộng mô hình chuyển giao bộ phận tiếp nhận và trả kết quả sang bưu điện ở cấp huyện và cấp xã.

Trên đây là báo cáo tình hình, kết quả công tác CCHC 6 tháng đầu năm 2021 và nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2021, UBND tỉnh Gia Lai báo cáo Chính phủ và Bộ Nội vụ theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh;
- CT UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Ban Dân vận TU;
- Công TTĐT tỉnh; Trang TTĐT Sở Nội vụ;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, HCQT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đỗ Tiến Đông**

<sup>26</sup> Kế hoạch được ban hành kèm theo Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của UBND tỉnh

<sup>27</sup> Kiểm tra theo Kế hoạch được ban hành kèm theo Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 11/3/2020 của UBND tỉnh.

**Phụ lục**  
**THÔNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN**  
**CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH GIA LAI**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Công tác chỉ đạo điều hành CCHC</b>			
<b>1.1.</b>	<b>Kế hoạch CCHC</b>			
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	38	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	11	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	13	
<b>1.2.</b>	<b>Kiểm tra CCHC</b>			
1.1.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	6	
1.1.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	1	
1.1.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	13	Số liệu tạm tính đến ngày 09/6/2021
1.1.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	13	
<b>1.3.</b>	<b>Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao</b>			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	13	
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	6	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
<b>1.4.</b>	<b>Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức</b>			
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	3.133	
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	
<b>2.</b>	<b>Cải cách thể chế</b>			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	17	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	8	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	94(28)	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	39(29)	
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	19(30)	

<sup>28</sup> Sở Thông tin và Truyền thông: 16 VB; Sở Xây dựng: 18 VB; Sở Lao động-Thương binh và Xã hội: 8 VB; Sở Tư pháp: 1 VB; Sở Giao thông Vận tải: 4 VB; Sở Kế hoạch và Đầu tư: 12 VB; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 5 VB; Sở Tài chính: 10 VB; Sở Tài nguyên và Môi trường: 3 VB; huyện Phú Thiện: 3 VB; thị xã An Khê: 14 VB.

<sup>29</sup> Sở Thông tin và Truyền thông: 4 VB; Sở Tư pháp: 1 VB; Sở Xây dựng: 10 VB; Sở Giao thông Vận tải: 4 VB; Sở Kế hoạch và Đầu tư: 1 VB; Sở Tài chính: 10 VB; Sở Tài nguyên và Môi trường: 3 VB; huyện Phú Thiện: 3 VB; thị xã An Khê: 3 VB.

<sup>30</sup> Sở Thông tin và Truyền thông: 3 VB; Sở Xây dựng: 2 VB; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 1 VB; Sở Kế hoạch và Đầu tư: 1 VB; Sở Tài chính: 3 VB; Sở Y tế: 3 VB; huyện Phú Thiện: 3 VB; thị xã An Khê: 3 VB.

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>3.</b>	<b>Cải cách thủ tục hành chính</b>			
<b>3.1.</b>	<b>Thống kê TTHC</b>			
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	75	
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	142	Sửa đổi, bổ sung 53 TTHC; bãi bỏ 89 TTHC
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	1.964	Số liệu đến ngày 14/6/2021
Trong đó	<i>Số TTHC cấp tỉnh:</i>	Thủ tục	1.494	
	<i>Số TTHC cấp huyện:</i>	Thủ tục	297	
	<i>Số TTHC cấp xã:</i>	Thủ tục	173	
<b>3.2.</b>	<b>Vận hành Cổng dịch vụ công</b>			
3.2.1.	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	1.850	
3.2.2.	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	540	
<b>3.3.</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>			
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	133	
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	102	
3.3.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100	
3.3.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	hóa			
<b>3.4.</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>			Số liệu tính đến ngày 14/3/2021. Số liệu 6 tháng theo quy định tại điểm a, Khoản 4, Điều 10 Thông tư số 01/2020/TT-VPCP quy định đến hết ngày 19/6/2021 cấp huyện mới báo cáo số liệu 6 tháng về cho cấp tỉnh. Do đó, đến ngày 15/6/2021, tỉnh chưa có số liệu nội dung này.
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	70	
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	72,8	
3.4.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	87,8	
3.4.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%	- Cấp tỉnh: 83 - Cấp huyện: 70,4 - Cấp xã: 86	
3.4.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%	- Cấp tỉnh: 100 - Cấp huyện: 58,5 - Cấp xã:	
<b>3.5.</b>	<b>Vận hành Cổng dịch vụ công</b>			
3.5.1.	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	1.964	
3.5.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	540	Mức độ 3: 191; Mức độ 4: 349 (Số liệu đến ngày 31/5/2021)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.5.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến.	Thủ tục	349	100%
<b>4.</b>	<b>Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước</b>			
<b>4.1.</b>	<b>Cơ cấu tổ chức bộ máy</b>			
4.1.1.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị	19	
4.1.2.	Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị	01	
4.1.3.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Cơ quan, đơn vị	01	
4.1.4.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh	Cơ quan, đơn vị	861	
Trong đó	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	4	
	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	128	
	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	729	
	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	13,9	1.000-861=139/1.000
<b>4.2.</b>	<b>Số liệu về biên chế công chức</b>			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	2.673	Cấp tỉnh: 1.300; cấp huyện 1.373
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	2.567	Số liệu đến ngày 30/5/2021
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	192	Cấp tỉnh 117; cấp huyện 75
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	304	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	10,2	
<b>4.3.</b>	<b>Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập</b>			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	26.407	
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	23.940	Số liệu đến ngày 31/3/2021
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	2.935	
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	10	
<b>5.</b>	<b>Cải cách chế độ công vụ</b>			
<b>5.1.</b>	<b>Vị trí việc làm của công chức, viên chức</b>			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	19	
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	861	
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
<b>5.2.</b>	<b>Tuyển dụng công chức, viên chức</b>			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	138	
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	5	Số liệu đến ngày 10/6/2021

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người	6	Số liệu đến ngày 10/6/2021
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	516(31)	
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	4	UBND thành phố Pleiku: 1; Đăk Pơ: 1; Kbang: 2
<b>5.3.</b>	<b>Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo</b>			
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	0	
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	2	Sở Kế hoạch và Đầu tư: 1; thị xã An Khê: 1
5.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	7	VP UBND tỉnh: 3; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 2; Sở Tài chính: 1; Sở Y tế: 1
5.3.4.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người	30 <sup>(32)</sup>	
<b>5.4.</b>	<b>Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).</b>			

<sup>31</sup> Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 40; Sở Thông tin và Truyền thông: 2; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 27; Sở Kế hoạch và Đầu tư: 1; huyện Kong Chro: 63; huyện Ia Grai: 45; huyện Krông Pa: 1; huyện Đăk Pơ: 23; thị xã AYunPa: 29; thành phố Pleiku: 143; huyện Kbang: 89; huyện Mang Yang: 53.

<sup>32</sup> UBND thành phố Pleiku: 3; huyện Đăk Pơ: 2; huyện Kbang: 5; huyện Krông Pa: 3; huyện Đăk Sơ: 2; huyện Chư Prông: 1; huyện Kong Chro: 2; thị xã An Khê: 6; thị xã Ayun Pa: 1; huyện Chư Pưh: 3; huyện Đăk Đoa: 2.



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	1	Krông Pa: 1
5.4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	13	UBND thành phố Pleiku:1; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 5; Sở Y tế: 7
<b>6.</b>	<b>Cải cách tài chính công</b>			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	4	Cấp tỉnh 04 đơn vị; cấp huyện 0 đơn vị
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	50	Cấp tỉnh 21 đơn vị; cấp huyện 29 đơn vị
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	129	Cấp tỉnh 47 đơn vị; cấp huyện 82 đơn vị
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	727	Cấp tỉnh 65 đơn vị; cấp huyện 662 đơn vị
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
<b>7.</b>	<b>Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ</b>			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	<b>số</b>			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	1	Đã triển khai HNTH từ cấp huyện đến 183/220 xã (đạt tỷ lệ 83,18%)
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
7.4.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.	%	100	
7.5.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
<b>7.6.</b>	<b>Số liệu về trao đổi văn bản điện tử</b>			
7.6.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
Trong đó	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100	
7.6.2.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản		
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	97	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	3	
<b>7.7.</b>	<b>Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh</b>			
7.7.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
7.7.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
7.7.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
<b>7.8.</b>	<b>Dịch vụ công trực tuyến</b>			
7.8.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	191	
7.8.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	349	
7.8.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	69,13	
7.8.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	63,75	